

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	1	27.00	3.5	30.50
2	Lý Thị	Nhung	TND018885	1	26.75	3.5	30.25
3	Quảng Thị	Thanh	TTB005699	2	26.25	3.5	29.75
4	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	1	26.25	3.5	29.75
5	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	1	26.25	3.5	29.75
6	Triệu Linh	Đan	TND004771	2	26.00	3.5	29.50
7	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	1	26.00	3.5	29.50
8	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	1	26.00	3.5	29.50
9	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	1	26.00	3.5	29.50
10	Phạm Thị	Nga	HDT017497	1	25.75	3.5	29.25
11	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	1	25.75	3.5	29.25
12	Lường Văn	Đông	TTB001526	1	25.75	3.5	29.25
13	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	3	25.50	3.5	29.00
14	Bàn Thị	Vân	TND029017	2	25.50	3.5	29.00
15	Bùi Thị	Nương	HDT019148	1	25.50	3.5	29.00
16	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	1	26.50	2.5	29.00
17	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	1	25.50	3.5	29.00
18	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	1	25.50	3.5	29.00
19	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	1	25.50	3.5	29.00
20	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	1	25.50	3.5	29.00
21	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	1	25.50	3.5	29.00
22	Hà Thị	Chang	TND002060	1	25.50	3.5	29.00
23	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	2	25.25	3.5	28.75
24	Trần Thị	Hằng	TDV009422	1	27.25	1.5	28.75
25	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	1	25.25	3.5	28.75
26	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	1	25.25	3.5	28.75
27	Quan Thị	Nga	DCN007886	1	25.25	3.5	28.75
28	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	1	25.25	3.5	28.75
29	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	1	27.25	1.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	1	25.25	3.5	28.75
31	Bùi Thị	Giang	DCN002642	2	25.00	3.5	28.50
32	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	1	25.00	3.5	28.50
33	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	1	28.00	0.5	28.50
34	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	1	25.00	3.5	28.50
35	Dương Thị	Thư	TTB006434	1	27.00	1.5	28.50
36	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	1	25.00	3.5	28.50
37	Đặng Hồng	Minh	THV008679	1	25.00	3.5	28.50
38	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DHU011359	1	27.50	1.0	28.50
39	Lò Thị	Diện	TTB001037	1	25.00	3.5	28.50
40	Võ Thị	Huyền	TDV013985	1	27.00	1.5	28.50
41	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	1	27.00	1.5	28.50
42	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	1	25.00	3.5	28.50
43	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	1	27.00	1.5	28.50
44	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	2	24.75	3.5	28.25
45	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	2	24.75	3.5	28.25
46	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	2	24.75	3.5	28.25
47	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	2	26.25	2.0	28.25
48	Nông Thị	Phượng	KQH010977	1	24.75	3.5	28.25
49	Nông Thu	Trang	DCN011942	1	24.75	3.5	28.25
50	Lê Thị	Lam	THP007705	1	27.25	1.0	28.25
51	Lưu Thị	Mai	SPH010983	1	27.25	1.0	28.25
52	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	1	24.75	3.5	28.25
53	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	1	26.75	1.5	28.25
54	Lê Thị	Thế	TND023694	1	24.75	3.5	28.25
55	Phan Đức	Quý	TND020712	1	24.75	3.5	28.25
56	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	1	24.75	3.5	28.25
57	Và A	Tủa	TTB007056	2	24.50	3.5	28.00
58	Vừ A	Dia	TTB001020	2	24.50	3.5	28.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	2	24.50	3.5	28.00
60	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	1	26.50	1.5	28.00
61	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	1	26.00	2.0	28.00
62	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	1	24.50	3.5	28.00
63	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	1	24.50	3.5	28.00
64	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	1	26.50	1.5	28.00
65	Đinh Phương	Thảo	TTB005848	1	26.50	1.5	28.00
66	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	1	24.50	3.5	28.00
67	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	1	26.50	1.5	28.00
68	Đỗ Thị	Hoài	NLS004234	1	26.50	1.5	28.00
69	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	1	26.50	1.5	28.00
70	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	1	26.50	1.5	28.00
71	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	1	26.50	1.5	28.00
72	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	1	24.50	3.5	28.00
73	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	1	26.50	1.5	28.00
74	Đàm Thị	Nhung	TND018794	1	24.50	3.5	28.00
75	Lương Thị	Bên	TDV002344	1	24.50	3.5	28.00
76	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	1	27.50	0.5	28.00
77	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	1	24.50	3.5	28.00
78	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	1	26.50	1.5	28.00
79	Bùi Thị	Phương	LNH007269	1	24.50	3.5	28.00
80	Hoàng Thị	Phương	TQU004408	1	24.50	3.5	28.00
81	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	2	26.25	1.5	27.75
82	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	1	26.25	1.5	27.75
83	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	1	26.25	1.5	27.75
84	Lự Thị	Thúy	THV013127	1	24.25	3.5	27.75
85	Đàm Văn	Thực	TND025270	1	24.25	3.5	27.75
86	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	1	24.25	3.5	27.75
87	Vương Hồng	Huyền	THP006755	1	26.75	1.0	27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	1	27.25	0.5	27.75
89	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	1	24.25	3.5	27.75
90	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	1	26.75	1.0	27.75
91	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	1	26.25	1.5	27.75
92	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	1	26.25	1.5	27.75
93	Phạm Văn	Đông	HDT005678	1	26.25	1.5	27.75
94	Lý Thị	An	TND000038	1	24.25	3.5	27.75
95	Bàn Thị Mỹ	Hạnh	TQU001523	1	24.25	3.5	27.75
96	Triệu Thị	Lấy	TND013609	1	24.25	3.5	27.75
97	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	1	24.25	3.5	27.75
98	Hoàng Thị	Trang	HDT026389	1	24.25	3.5	27.75
99	Dương Văn	Tuấn	HDT028092	1	24.25	3.5	27.75
100	Lò Văn	Duyên	HDT004727	1	24.25	3.5	27.75
101	Đào Thị	Thúy	SPH016697	1	26.25	1.5	27.75
102	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	1	24.25	3.5	27.75
103	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	1	26.25	1.5	27.75
104	Chu Thị	Duyên	TND004274	2	24.00	3.5	27.50
105	Nông Thị	Loan	TND015028	2	24.00	3.5	27.50
106	Bế Thị	Hường	TND012099	2	24.00	3.5	27.50
107	Nông Thị	Đào	TND004806	2	24.00	3.5	27.50
108	Vy Mỹ	Linh	TND014890	2	24.00	3.5	27.50
109	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	2	24.00	3.5	27.50
110	Trần Thị	Thủy	YTB021441	2	26.50	1.0	27.50
111	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	2	24.00	3.5	27.50
112	Hà Thị	Luyến	TQU003406	2	24.00	3.5	27.50
113	Lê Phương	Anh	HDT000573	1	26.00	1.5	27.50
114	Lường Thị	Hằng	TTB002030	1	24.00	3.5	27.50
115	Lê Quốc	Hào	TDV008777	1	26.00	1.5	27.50
116	Phạm Thu	Phương	HDT020052	1	24.00	3.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	1	26.00	1.5	27.50
118	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	1	26.50	1.0	27.50
119	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	1	26.00	1.5	27.50
120	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017324	1	26.50	1.0	27.50
121	Vì Thị	Vân	TND029204	1	24.00	3.5	27.50
122	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	1	26.00	1.5	27.50
123	Hoàng Thị	Phượng	TDV023811	1	26.50	1.0	27.50
124	Trần Thị Thanh	Lam	LNH004935	1	27.00	0.5	27.50
125	Lê Thị	Duyên	THP002581	1	27.00	0.5	27.50
126	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	1	26.00	1.5	27.50
127	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	1	27.00	0.5	27.50
128	Nguyễn Thị Minh	Hân	TQU001669	1	26.00	1.5	27.50
129	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	1	24.00	3.5	27.50
130	Hà Thu	Hằng	TTB002005	1	24.00	3.5	27.50
131	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005235	1	26.00	1.5	27.50
132	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	1	24.00	3.5	27.50
133	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	1	27.00	0.5	27.50
134	Mã Thanh	Lâm	TND013503	1	24.00	3.5	27.50
135	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	1	24.00	3.5	27.50
136	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	1	24.00	3.5	27.50
137	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	1	27.00	0.5	27.50
138	Lý Thái	Bảo	TND001546	1	24.00	3.5	27.50
139	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	1	26.00	1.5	27.50
140	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	2	26.75	0.5	27.25
141	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	2	25.75	1.5	27.25
142	Nông Thị	Xâm	TND029728	2	23.75	3.5	27.25
143	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	2	25.75	1.5	27.25
144	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	2	23.75	3.5	27.25
145	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	2	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	2	24.75	2.5	27.25
147	Hồ Văn	Trai	DHU024012	2	23.75	3.5	27.25
148	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	2	26.25	1.0	27.25
149	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	1	23.75	3.5	27.25
150	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	1	25.75	1.5	27.25
151	Mã Thị	Thanh	SPH015271	1	23.75	3.5	27.25
152	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	1	26.75	0.5	27.25
153	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	1	26.75	0.5	27.25
154	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	1	25.75	1.5	27.25
155	Trần Phương	Anh	TTB000267	1	25.75	1.5	27.25
156	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	1	25.75	1.5	27.25
157	Kim Thảo	Linh	TQU003121	1	23.75	3.5	27.25
158	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	1	26.25	1.0	27.25
159	Lê Thị	Hương	HDT012158	1	26.25	1.0	27.25
160	Nông Văn	Quân	TQU004497	1	23.75	3.5	27.25
161	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	1	25.75	1.5	27.25
162	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	1	26.75	0.5	27.25
163	Nông Thị	Son	TND021467	1	23.75	3.5	27.25
164	Đặng Thị	Nga	TDV020349	1	25.75	1.5	27.25
165	Đinh Thị	Chinh	HDT002715	1	23.75	3.5	27.25
166	Dương Thị Thục	Chinh	TND002475	1	23.75	3.5	27.25
167	Hà Thị	Hằng	KQH004209	1	23.75	3.5	27.25
168	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	1	25.75	1.5	27.25
169	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	1	23.75	3.5	27.25
170	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	1	25.75	1.5	27.25
171	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	1	23.75	3.5	27.25
172	Lù Thị	Tâm	DCN009835	1	23.75	3.5	27.25
173	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	1	25.75	1.5	27.25
174	Lã Thị	Linh	YTB012556	1	25.75	1.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	La Thị	Dung	THV002048	1	23.75	3.5	27.25
176	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	1	26.25	1.0	27.25
177	Phạm Thu	Hảo	THP004409	1	26.75	0.5	27.25
178	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	2	25.50	1.5	27.00
179	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	2	23.50	3.5	27.00
180	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	2	26.50	0.5	27.00
181	Hoàng Thu	Hương	TND011776	2	23.50	3.5	27.00
182	Châu Thị	Ninh	TQU004156	2	23.50	3.5	27.00
183	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	2	23.50	3.5	27.00
184	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	2	26.50	0.5	27.00
185	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	2	23.50	3.5	27.00
186	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	2	25.50	1.5	27.00
187	Hoàng Thị	Hằng	TND007295	2	23.50	3.5	27.00
188	Lò Thị	Thanh	TTB005671	2	23.50	3.5	27.00
189	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	2	25.50	1.5	27.00
190	Trần Thị	Oanh	TDV023128	2	25.50	1.5	27.00
191	Trần Thu	Ngân	THV009292	2	25.50	1.5	27.00
192	Giàng A	Lào	TTB003340	2	23.50	3.5	27.00
193	Lường Thị	Hải	TTB001865	2	23.50	3.5	27.00
194	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	1	23.50	3.5	27.00
195	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	1	26.00	1.0	27.00
196	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	1	25.50	1.5	27.00
197	Phạm Mai	Trang	TND026654	1	25.50	1.5	27.00
198	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	1	23.50	3.5	27.00
199	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	1	25.50	1.5	27.00
200	Cà Thị	út	TTB007347	1	23.50	3.5	27.00
201	Trịnh Thị	Châm	TND002122	1	23.50	3.5	27.00
202	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	1	26.00	1.0	27.00
203	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	1	26.00	1.0	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	1	25.50	1.5	27.00
205	Nông Phương	Thảo	TND023241	1	23.50	3.5	27.00
206	Phạm Thị	Nga	THP010025	1	26.00	1.0	27.00
207	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	1	25.50	1.5	27.00
208	Lò Đức	Giang	TTB001642	1	23.50	3.5	27.00
209	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	1	23.50	3.5	27.00
210	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	1	26.50	0.5	27.00
211	Triệu Thị	Mây	TND016355	1	23.50	3.5	27.00
212	Hoàng Thị	Sa	THV011215	1	25.50	1.5	27.00
213	Đặng Hiền	Thương	TND025302	1	25.50	1.5	27.00
214	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	1	26.50	0.5	27.00
215	Vũ Thị	Thành	BJA011812	1	26.00	1.0	27.00
216	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	1	25.50	1.5	27.00
217	Đặng Thủy	Vân	THV015105	1	23.50	3.5	27.00
218	Chầu Thị	Đẹp	KQH002942	1	23.50	3.5	27.00
219	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	HDT004666	1	25.50	1.5	27.00
220	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	HDT025655	1	24.50	2.5	27.00
221	Thên Mai	Ngọc	THV009576	1	23.50	3.5	27.00
222	Ma Thị	ánh	TQU000275	1	23.50	3.5	27.00
223	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	1	25.50	1.5	27.00
224	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	1	23.50	3.5	27.00
225	Nguyễn Thị Thuý	Linh	THP008419	1	26.00	1.0	27.00
226	Lương Văn	Qui	THV010880	1	23.50	3.5	27.00
227	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	1	26.50	0.5	27.00
228	Lương Thị	Vân	TND029086	1	23.50	3.5	27.00
229	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	1	23.50	3.5	27.00
230	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	1	26.00	1.0	27.00
231	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	1	23.50	3.5	27.00
232	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	1	26.50	0.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	1	25.50	1.5	27.00
234	Trần Diệu	Linh	TTB003588	1	25.50	1.5	27.00
235	Triệu Văn	Tuyền	TND028499	1	23.50	3.5	27.00
236	Lăng Thị	Hoài	TND009110	2	23.25	3.5	26.75
237	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	2	24.25	2.5	26.75
238	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	2	25.25	1.5	26.75
239	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	2	23.25	3.5	26.75
240	Đào Thị	Hương	HDT011993	2	25.75	1.0	26.75
241	Nguyễn Thị	Vân	TDV035875	2	25.25	1.5	26.75
242	Phùng Thị	Quyên	TND020831	2	23.25	3.5	26.75
243	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	2	25.25	1.5	26.75
244	Hồ Thị	ánh	TDV001687	2	25.25	1.5	26.75
245	Đậu Thị	Sương	TDV026500	2	25.75	1.0	26.75
246	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	2	25.75	1.0	26.75
247	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	2	26.25	0.5	26.75
248	Phạm Thị	Lan	HDT013264	1	25.25	1.5	26.75
249	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	1	26.25	0.5	26.75
250	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	1	25.25	1.5	26.75
251	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	1	25.25	1.5	26.75
252	Chu Thị	Thảo	TTB005838	1	23.25	3.5	26.75
253	Lê Thị	Phượng	HDT020198	1	25.75	1.0	26.75
254	Tống Thị	Mai	HDT016152	1	25.25	1.5	26.75
255	Lèng Thị	Như	TQU004142	1	23.25	3.5	26.75
256	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	1	23.25	3.5	26.75
257	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	1	23.25	3.5	26.75
258	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	1	26.25	0.5	26.75
259	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	1	25.75	1.0	26.75
260	Lê Thị	Nhung	HDT018777	1	26.25	0.5	26.75
261	Phạm Việt	Trình	THP015567	1	26.25	0.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Lê Thị Kim	Anh	HDT000628	1	25.25	1.5	26.75
263	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	1	25.25	1.5	26.75
264	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	1	25.25	1.5	26.75
265	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	1	25.25	1.5	26.75
266	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	1	23.25	3.5	26.75
267	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	1	23.25	3.5	26.75
268	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	1	23.25	3.5	26.75
269	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	1	25.25	1.5	26.75
270	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	1	23.25	3.5	26.75
271	Đào Anh	Dũng	THV002162	1	25.25	1.5	26.75
272	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	1	23.25	3.5	26.75
273	Trương Hải	Yến	TND030159	1	23.25	3.5	26.75
274	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	1	25.25	1.5	26.75
275	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	1	23.25	3.5	26.75
276	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	1	25.25	1.5	26.75
277	Bùi Thị	Hà	LNH002420	1	23.25	3.5	26.75
278	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	2	23.00	3.5	26.50
279	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	2	25.00	1.5	26.50
280	Sáng Thị	Chính	TQU000537	2	23.00	3.5	26.50
281	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	2	23.00	3.5	26.50
282	Pờ Mé	Nu	TTB004653	2	23.00	3.5	26.50
283	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	2	25.00	1.5	26.50
284	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	2	25.00	1.5	26.50
285	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	2	23.00	3.5	26.50
286	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	2	23.00	3.5	26.50
287	Lã Văn	Băng	DCN000946	2	25.50	1.0	26.50
288	Nông Thị	Hằng	TND007466	2	23.00	3.5	26.50
289	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	2	23.00	3.5	26.50
290	Trần Thị	Hằng	HHA004440	2	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Hoàng Thị	Lành	TND013442	2	23.00	3.5	26.50
292	Lý A	Chớ	TTB000675	2	23.00	3.5	26.50
293	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	2	25.00	1.5	26.50
294	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	2	25.00	1.5	26.50
295	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	2	26.00	0.5	26.50
296	Trần Ngọc	Mai	TND016088	2	23.00	3.5	26.50
297	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	2	25.50	1.0	26.50
298	Lò Trung	Thành	TTB005740	2	23.00	3.5	26.50
299	Lý Thị	Ghền	TND005756	2	23.00	3.5	26.50
300	Thào A	Pó	TTB004987	2	23.00	3.5	26.50
301	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	1	26.00	0.5	26.50
302	Lê Đình	Đạt	HDT005241	1	23.00	3.5	26.50
303	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	1	25.00	1.5	26.50
304	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	1	26.00	0.5	26.50
305	Lò Thị	Tiệm	TTB006534	1	23.00	3.5	26.50
306	Quảng Văn	Dũng	TTB001248	1	23.00	3.5	26.50
307	Lò Thị	Mừng	TTB004079	1	23.00	3.5	26.50
308	Đặng Thị	Bảy	THV000922	1	23.00	3.5	26.50
309	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	1	23.00	3.5	26.50
310	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	1	26.00	0.5	26.50
311	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	1	25.00	1.5	26.50
312	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	1	25.50	1.0	26.50
313	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	1	25.00	1.5	26.50
314	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	1	25.00	1.5	26.50
315	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	1	23.00	3.5	26.50
316	Lê Thị	Hằng	HDT007837	1	25.50	1.0	26.50
317	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	1	23.00	3.5	26.50
318	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	1	26.00	0.5	26.50
319	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Phạm Thị	Giang	HDT006412	1	25.50	1.0	26.50
321	Lê Thị	Dung	HDT003866	1	25.50	1.0	26.50
322	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	1	25.50	1.0	26.50
323	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	1	25.00	1.5	26.50
324	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	1	23.00	3.5	26.50
325	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	1	23.00	3.5	26.50
326	Đàm Thị	Trang	TND026077	1	23.00	3.5	26.50
327	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	1	25.50	1.0	26.50
328	Đinh Kiều	Oanh	TTB004677	1	23.00	3.5	26.50
329	Đường Thu	Quyên	TND020757	1	23.00	3.5	26.50
330	Lương Thị	Thảo	THV012200	1	23.00	3.5	26.50
331	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	1	25.00	1.5	26.50
332	Vàng Thị	Cúc	THV001679	1	23.00	3.5	26.50
333	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	1	25.00	1.5	26.50
334	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	1	25.00	1.5	26.50
335	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	1	26.00	0.5	26.50
336	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	1	26.00	0.5	26.50
337	Đỗ Mai	Hương	THP006938	1	26.00	0.5	26.50
338	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	1	23.00	3.5	26.50
339	Trần Uyên	Chi	TDV003028	1	25.00	1.5	26.50
340	Đặng Thị	Khánh	TDV014850	1	25.50	1.0	26.50
341	Phà Thó	Xa	THV015435	1	23.00	3.5	26.50
342	Lại Thị	Minh	DCN007378	1	25.50	1.0	26.50
343	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	1	25.50	1.0	26.50
344	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	1	24.50	2.0	26.50
345	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	1	23.00	3.5	26.50
346	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	1	23.00	3.5	26.50
347	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	2	26.25		26.25
348	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	2	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	2	25.25	1.0	26.25
350	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	2	25.75	0.5	26.25
351	Nông Thị	Mến	TQU003587	2	22.75	3.5	26.25
352	Lương Thị	Yến	TND030011	2	22.75	3.5	26.25
353	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	2	25.75	0.5	26.25
354	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	2	24.75	1.5	26.25
355	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	2	25.25	1.0	26.25
356	Bùi Thị	Phượng	TND019724	2	22.75	3.5	26.25
357	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	2	24.75	1.5	26.25
358	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	1	24.75	1.5	26.25
359	Lò Thị	Dung	THV002060	1	22.75	3.5	26.25
360	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	1	24.75	1.5	26.25
361	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	1	25.75	0.5	26.25
362	Đinh Thị	Hường	LNH004614	1	22.75	3.5	26.25
363	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	1	24.75	1.5	26.25
364	Nguyễn Thị	Định	BJA003042	1	23.25	3.0	26.25
365	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	1	24.75	1.5	26.25
366	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	1	22.75	3.5	26.25
367	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	1	25.25	1.0	26.25
368	Hà Đình	Công	THV001592	1	22.75	3.5	26.25
369	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	1	25.75	0.5	26.25
370	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	1	25.25	1.0	26.25
371	Lương Thị	Bình	HDT002193	1	22.75	3.5	26.25
372	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	1	25.75	0.5	26.25
373	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	1	25.75	0.5	26.25
374	Lê Thị	Hà	HDT006658	1	25.25	1.0	26.25
375	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	1	24.75	1.5	26.25
376	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	1	24.75	1.5	26.25
377	Đinh Hoàng	Mai	HDT015943	1	24.75	1.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	1	25.75	0.5	26.25
379	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	1	25.25	1.0	26.25
380	Phan Thị	Thương	TDV031159	1	24.75	1.5	26.25
381	Phạm Thị	Loan	YTB013323	1	25.25	1.0	26.25
382	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	1	25.75	0.5	26.25
383	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	1	24.75	1.5	26.25
384	Đinh Thị Trang	Nhung	TDV022297	1	25.75	0.5	26.25
385	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	1	25.25	1.0	26.25
386	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	1	22.75	3.5	26.25
387	Vũ Thị	Hiền	THV004397	1	22.75	3.5	26.25
388	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	1	22.75	3.5	26.25
389	Lương ý	Dung	KQH002046	1	22.75	3.5	26.25
390	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	1	24.75	1.5	26.25
391	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	1	22.75	3.5	26.25
392	Lê Thị	Hiền	TDV009806	1	24.75	1.5	26.25
393	Lù Thị	Trang	THV013768	1	22.75	3.5	26.25
394	Đồng Mai	Phương	TND019770	1	22.75	3.5	26.25
395	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	1	22.75	3.5	26.25
396	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	1	24.75	1.5	26.25
397	Hoàng Thị Mai	Liễu	TND013933	1	22.75	3.5	26.25
398	Lã Thị	Thanh	TQU004948	1	24.75	1.5	26.25
399	Vi Thị	Thuyết	THV013199	1	22.75	3.5	26.25
400	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	1	24.75	1.5	26.25
401	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	1	24.75	1.5	26.25
402	Lê Thúy	Nga	DHU013914	1	25.75	0.5	26.25
403	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	1	25.25	1.0	26.25
404	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	1	22.75	3.5	26.25
405	Nguyễn Thị	Tình	HHA014236	1	25.25	1.0	26.25
406	Lê Thị	Thúy	HHA013877	1	25.75	0.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	1	24.75	1.5	26.25
408	Phạm Văn	Thảo	TND023293	1	24.75	1.5	26.25
409	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	1	25.75	0.5	26.25
410	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	1	25.75	0.5	26.25
411	Nông Văn	Nam	TTB004168	2	22.50	3.5	26.00
412	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	2	25.00	1.0	26.00
413	Tòng Thị	Thu	THV012859	2	22.50	3.5	26.00
414	Trần Lan	Hương	YTB010877	2	25.50	0.5	26.00
415	Trần Minh	Quang	THV010774	2	24.50	1.5	26.00
416	Lường Mai	Chinh	TTB000619	2	22.50	3.5	26.00
417	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	2	25.00	1.0	26.00
418	Vũ Thị	Phương	YTB017528	2	25.00	1.0	26.00
419	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	2	24.50	1.5	26.00
420	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	2	22.50	3.5	26.00
421	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	2	24.50	1.5	26.00
422	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	2	24.50	1.5	26.00
423	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	2	25.50	0.5	26.00
424	Triệu Thị Thu	Hường	TND012247	2	22.50	3.5	26.00
425	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	2	24.50	1.5	26.00
426	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	2	25.00	1.0	26.00
427	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	2	24.50	1.5	26.00
428	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	2	25.50	0.5	26.00
429	Trần Thị	Anh	THP000856	2	25.00	1.0	26.00
430	Trần Thị Thu	Thuỷ	THV012932	2	24.50	1.5	26.00
431	Bàn Thị	Hường	TND012100	2	22.50	3.5	26.00
432	Phạm Thị	Phương	TND020049	2	24.50	1.5	26.00
433	Dương Ngọc	Yến	TTB007665	1	24.50	1.5	26.00
434	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	1	22.50	3.5	26.00
435	Phạm Thị	Linh	KQH008053	1	25.50	0.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Hoàng Đình	Tuấn	BJA014247	1	25.50	0.5	26.00
437	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003878	1	22.50	3.5	26.00
438	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	SPH013096	1	25.50	0.5	26.00
439	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	1	22.50	3.5	26.00
440	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	1	24.50	1.5	26.00
441	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	1	25.50	0.5	26.00
442	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	1	25.00	1.0	26.00
443	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	1	25.50	0.5	26.00
444	Phản Thị	Mấy	TQU003576	1	22.50	3.5	26.00
445	Phạm Nhật	Lệ	THP008015	1	25.00	1.0	26.00
446	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	1	25.50	0.5	26.00
447	Lê Thị	Loan	HDT015087	1	24.50	1.5	26.00
448	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	1	22.50	3.5	26.00
449	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	1	25.00	1.0	26.00
450	Đặng Thị	Thành	TDV027630	1	24.50	1.5	26.00
451	Chu Thị	Hương	TDV014213	1	24.50	1.5	26.00
452	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	1	25.00	1.0	26.00
453	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	1	22.50	3.5	26.00
454	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	1	24.50	1.5	26.00
455	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	1	25.00	1.0	26.00
456	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	1	24.50	1.5	26.00
457	Bùi Thị	Mến	HDT016401	1	22.50	3.5	26.00
458	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	1	24.50	1.5	26.00
459	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	1	24.50	1.5	26.00
460	Trần Thị	Trang	TDV033109	1	24.50	1.5	26.00
461	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	1	24.50	1.5	26.00
462	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	1	22.50	3.5	26.00
463	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	1	24.50	1.5	26.00
464	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	LNH002792	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	1	25.00	1.0	26.00
466	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	1	24.50	1.5	26.00
467	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	1	25.00	1.0	26.00
468	Hà Kim	Oanh	TTB004678	1	24.50	1.5	26.00
469	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	1	24.50	1.5	26.00
470	Phạm Thị Diệu	Hằng	BKA004295	1	25.50	0.5	26.00
471	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	1	24.50	1.5	26.00
472	Lê Thị	Thư	THV013212	1	22.50	3.5	26.00
473	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	1	23.50	2.5	26.00
474	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	1	22.50	3.5	26.00
475	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	1	24.50	1.5	26.00
476	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	1	25.00	1.0	26.00
477	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	1	22.50	3.5	26.00
478	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	1	25.00	1.0	26.00
479	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	1	25.00	1.0	26.00
480	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	1	22.50	3.5	26.00
481	Dương Thị	Dung	SPH002980	1	25.50	0.5	26.00
482	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	1	24.50	1.5	26.00
483	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	1	25.00	1.0	26.00
484	Đào Thị Thu	Hương	TQU002596	1	22.50	3.5	26.00
485	Đào Thùy	Trang	TQU005766	1	24.50	1.5	26.00
486	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	1	24.50	1.5	26.00
487	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	1	24.50	1.5	26.00
488	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	1	24.50	1.5	26.00
489	Lê Thị	Ninh	HDT019102	1	25.00	1.0	26.00
490	Dương Thùy	Linh	SPH009423	1	24.50	1.5	26.00
491	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	1	25.00	1.0	26.00
492	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	2	25.25	0.5	25.75
493	Bạch Thị Thu	Hiền	SPH005842	2	24.75	1.0	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Cao Thị Thúy	Quỳnh	LNH007704	2	24.25	1.5	25.75
495	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	2	25.25	0.5	25.75
496	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	2	25.25	0.5	25.75
497	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	2	25.25	0.5	25.75
498	Lưu Thị Thanh	Hoa	TQU001917	2	24.25	1.5	25.75
499	Hoàng Thị	Hiếu	TND008338	2	22.25	3.5	25.75
500	Lê Đức	Chung	THP001700	2	24.25	1.5	25.75
501	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	2	22.25	3.5	25.75
502	Nguyễn Thị	Trang	TQU005859	2	24.25	1.5	25.75
503	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	2	24.75	1.0	25.75
504	Đoàn Thị	Hương	DHU009151	2	24.25	1.5	25.75
505	Hà Thị	Hồng	HDT010044	2	22.25	3.5	25.75
506	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	2	22.25	3.5	25.75
507	Trần Thị Nguyệt	Hà	TDV008058	2	24.75	1.0	25.75
508	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	2	22.25	3.5	25.75
509	Lê Ngọc	Linh	TND014252	2	24.25	1.5	25.75
510	Triệu Thị	Viên	TND029263	2	22.25	3.5	25.75
511	Hoàng Thị	Phương	SPH013614	1	25.25	0.5	25.75
512	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	1	24.25	1.5	25.75
513	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	1	24.25	1.5	25.75
514	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	1	22.25	3.5	25.75
515	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	1	25.75		25.75
516	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	1	25.25	0.5	25.75
517	Nguyễn Thị	Phương	HHA011196	1	25.25	0.5	25.75
518	Đinh Thị Kim	Oanh	HDT019183	1	24.75	1.0	25.75
519	Tống Thị	Duyên	TND004393	1	24.25	1.5	25.75
520	Lâm Thị	Trang	TND026235	1	22.25	3.5	25.75
521	Triệu Anh	Quân	TQU004502	1	22.25	3.5	25.75
522	Chăng Kiều	Hoài	TQU001983	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Đinh Xuân Lâm	Anh	TDV022809	1	24.75	1.0	25.75
524	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	1	25.25	0.5	25.75
525	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	1	25.25	0.5	25.75
526	Lê Thị	Nhung	HDT018789	1	24.75	1.0	25.75
527	Nguyễn Văn	Khảm	HDT012615	1	22.25	3.5	25.75
528	Nguyễn Việt	Hà	SPH004974	1	24.25	1.5	25.75
529	Trần Thị	Giang	TDV007480	1	25.25	0.5	25.75
530	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	1	22.25	3.5	25.75
531	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	1	24.75	1.0	25.75
532	Trần Thị Trà	My	LNH006246	1	24.25	1.5	25.75
533	Lương Đình	Hùng	TND010463	1	22.25	3.5	25.75
534	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	1	22.25	3.5	25.75
535	Nguyễn Thị Việt	Nga	TDV020569	1	24.25	1.5	25.75
536	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	1	22.25	3.5	25.75
537	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	1	24.75	1.0	25.75
538	Phạm Thùy	Linh	TND014702	1	25.25	0.5	25.75
539	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	1	22.25	3.5	25.75
540	Phạm Mai	Linh	THP008476	1	25.25	0.5	25.75
541	Hà Thị	Linh	TDV016421	1	24.25	1.5	25.75
542	Nguyễn Hồng	Nhung	HHA010578	1	24.25	1.5	25.75
543	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	1	24.25	1.5	25.75
544	Đỗ Thị	Nhung	YTB016326	1	25.25	0.5	25.75
545	Lê Thị Phương	Mai	TQU003510	1	24.25	1.5	25.75
546	Hoàng Thuý	Kiều	TND013066	1	22.25	3.5	25.75
547	Chu Minh	Trang	DCN011617	1	25.25	0.5	25.75
548	Lê Thị	Dung	HDT003842	1	24.75	1.0	25.75
549	Nguyễn Thị Diệu	Linh	DHU011248	1	24.25	1.5	25.75
550	Nguyễn Hồng	Phi	TND019475	1	24.75	1.0	25.75
551	Ngô Thị	Hiếu	TDV010472	1	24.75	1.0	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Ngô Thị	Thùy	TDV030241	1	24.25	1.5	25.75
553	Nguyễn Thị Thu	Dung	THV002093	1	22.25	3.5	25.75
554	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	1	22.25	3.5	25.75
555	Võ Thị	Thúy	TDV030786	1	25.25	0.5	25.75
556	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	1	24.25	1.5	25.75
557	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	1	24.25	1.5	25.75
558	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	1	22.25	3.5	25.75
559	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	1	25.25	0.5	25.75
560	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	1	24.75	1.0	25.75
561	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	1	22.25	3.5	25.75
562	Trần Anh	Tuấn	TND028015	1	24.25	1.5	25.75
563	Mào Thị	Duyên	TTB001294	2	22.00	3.5	25.50
564	Nguyễn Thị	Hạnh	HVN003027	2	25.00	0.5	25.50
565	Sinh Quốc	Toản	TQU005721	2	22.00	3.5	25.50
566	Lý Ngọc	Linh	TND014313	2	22.00	3.5	25.50
567	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	2	25.00	0.5	25.50
568	Lê Thị Khánh	Linh	TLA007808	2	25.00	0.5	25.50
569	Lưu Thanh	Hiền	HVN003386	2	25.00	0.5	25.50
570	Quan Ngọc	Linh	TND014718	2	22.00	3.5	25.50
571	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	2	24.00	1.5	25.50
572	Lý Thúy	Mai	TND015966	2	22.00	3.5	25.50
573	Phan Hồng	Nhung	TDV022497	2	24.00	1.5	25.50
574	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	2	25.00	0.5	25.50
575	Tạ Vũ Thu	Uyên	TTN022480	2	24.00	1.5	25.50
576	Lê Thu	Hà	TTB001744	2	24.00	1.5	25.50
577	Lê Hoàng	Anh	TDV000565	2	24.50	1.0	25.50
578	Nguyễn Thị	Thu	TND024397	2	22.00	3.5	25.50
579	Lý Thị	Nương	TND019243	2	22.00	3.5	25.50
580	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	2	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Vũ Thị Kim	Oanh	THP011225	2	25.00	0.5	25.50
582	Đinh Thị Hà	Duyên	LNH001702	2	25.00	0.5	25.50
583	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	2	22.00	3.5	25.50
584	Tấn Thị	Thảo	THV012338	1	22.00	3.5	25.50
585	Lương Ngọc	Anh	THV000308	1	24.00	1.5	25.50
586	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	1	24.50	1.0	25.50
587	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	1	24.00	1.5	25.50
588	Chế Thị	Nhung	TDV022280	1	25.00	0.5	25.50
589	Trần Thị Lan	Hương	THV006324	1	24.00	1.5	25.50
590	Lê Thị	Loan	HDT015081	1	24.00	1.5	25.50
591	Vũ Thị	Trà	TND025993	1	24.00	1.5	25.50
592	Đồng Thị	Mến	THP009447	1	24.50	1.0	25.50
593	Vì Thị	Hồng	TND009891	1	22.00	3.5	25.50
594	Bùi Thị	Thảo	DCN010163	1	22.00	3.5	25.50
595	Cao Xuân	Hiền	THV004247	1	22.00	3.5	25.50
596	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	1	25.00	0.5	25.50
597	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	1	22.00	3.5	25.50
598	Hà Thị	Hồng	HDT010045	1	24.50	1.0	25.50
599	Nhữ Thị Bích	Ngọc	HDT018096	1	24.00	1.5	25.50
600	Hứa Thị	Kiều	TND013056	1	22.00	3.5	25.50
601	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	1	24.00	1.5	25.50
602	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	1	24.50	1.0	25.50
603	Dương Thu	Thảo	TTB005843	1	24.00	1.5	25.50
604	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	1	22.00	3.5	25.50
605	Nguyễn Thị Kiều	Trang	THP015172	1	25.00	0.5	25.50
606	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	1	23.00	2.5	25.50
607	Mai Thị	Hồng	HDT010113	1	24.50	1.0	25.50
608	Vũ Thị	Linh	HDT014998	1	24.50	1.0	25.50
609	Trần Thị Thu	Hiền	HDT008644	1	24.00	1.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Nông Thị	Phượng	TND020262	1	22.00	3.5	25.50
611	Trần Văn	Mạnh	KQH008961	1	25.00	0.5	25.50
612	Lê Thị	Như	TDV022628	1	24.00	1.5	25.50
613	Lò Văn	Thêm	TTB006079	1	22.00	3.5	25.50
614	Vi Thị Thu	Trang	DCN012027	1	22.00	3.5	25.50
615	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	1	22.00	3.5	25.50
616	Đặng Thị Quỳnh	Anh	LNH000171	1	24.00	1.5	25.50
617	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	1	25.00	0.5	25.50
618	Hoàng Thị	Yến	YTB025705	1	24.50	1.0	25.50
619	Trần Thị	Liên	TQU003045	1	24.00	1.5	25.50
620	Trần Thị	Huyền	TND011376	1	22.00	3.5	25.50
621	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	1	25.00	0.5	25.50
622	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	1	24.00	1.5	25.50
623	Nguyễn Minh	Huế	SPH007105	1	24.50	1.0	25.50
624	Trịnh Vũ Ngân	Hà	TDV008083	1	25.00	0.5	25.50
625	Quách Thị Hương	Quỳnh	LNH007774	1	22.00	3.5	25.50
626	Trịnh Thùy	Dung	THV002131	1	24.00	1.5	25.50
627	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	1	22.00	3.5	25.50
628	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	1	24.50	1.0	25.50
629	Từ Thị	Lý	TDV018537	1	24.00	1.5	25.50
630	Lê Thị	Xoan	TDV036623	1	24.00	1.5	25.50
631	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	1	23.00	2.5	25.50
632	Bùi Thúy	Phượng	TND019710	1	22.00	3.5	25.50
633	Phượng Thị	Hảo	TND007201	1	22.00	3.5	25.50
634	Đào Khánh	Dương	TTB001330	1	24.00	1.5	25.50
635	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	1	24.00	1.5	25.50
636	Hoàng Hải	Ngân	YTB015364	1	24.00	1.5	25.50
637	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	1	25.00	0.5	25.50
638	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	1	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Trần Thị Bích	Thùy	TND024739	1	22.00	3.5	25.50
640	Luân Thị	Thùy	TND024692	2	21.75	3.5	25.25
641	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	2	24.75	0.5	25.25
642	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	2	24.75	0.5	25.25
643	Phan Thị	Thơm	TDV029728	2	23.75	1.5	25.25
644	Trần Thị	Thơ	TDV029629	2	24.25	1.0	25.25
645	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	2	21.75	3.5	25.25
646	Hứa Thị	Tươi	TND028723	2	21.75	3.5	25.25
647	Đinh Thị	Vân	HHA016046	2	23.75	1.5	25.25
648	Nguyễn Như	Quỳnh	HDT021148	2	23.75	1.5	25.25
649	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	2	23.75	1.5	25.25
650	Phạm Thị Mỹ	Linh	DCN006549	2	21.75	3.5	25.25
651	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	2	21.75	3.5	25.25
652	Đỗ Thị	Linh	TND014063	2	23.75	1.5	25.25
653	Vũ Văn	Linh	KQH008144	2	24.75	0.5	25.25
654	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	2	21.75	3.5	25.25
655	Đoàn Thị	Tuyết	HDT029039	2	24.25	1.0	25.25
656	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	2	24.25	1.0	25.25
657	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	2	21.75	3.5	25.25
658	Vũ Mỹ	Hoa	YTB008336	2	24.25	1.0	25.25
659	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	2	21.75	3.5	25.25
660	Nguyễn Thảo	Phương	THV010522	1	23.75	1.5	25.25
661	Ma Thị	Huế	TND010086	1	21.75	3.5	25.25
662	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	1	21.75	3.5	25.25
663	Lê Thị	Thùy	SPH016490	1	24.75	0.5	25.25
664	Đỗ Thị Khánh	Linh	KQH007726	1	24.75	0.5	25.25
665	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	1	24.25	1.0	25.25
666	Đặng Thị Thùy	Linh	BKA007396	1	24.25	1.0	25.25
667	Thiều Thị	Trinh	HDT027451	1	24.75	0.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	1	24.25	1.0	25.25
669	Mai Thị	Trang	HDT026674	1	24.25	1.0	25.25
670	Nông Thị	Tuyết	THV014933	1	21.75	3.5	25.25
671	Dương Thị	Lương	TND015496	1	24.25	1.0	25.25
672	Ngô Thị	Đào	HDT005142	1	24.25	1.0	25.25
673	Phạm Thị Thu	Huyền	THV005915	1	23.75	1.5	25.25
674	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	1	21.75	3.5	25.25
675	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	1	24.75	0.5	25.25
676	Vũ Huy	Hoài	TND009220	1	23.75	1.5	25.25
677	Hà Kiều	Anh	THV000166	1	21.75	3.5	25.25
678	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	1	24.25	1.0	25.25
679	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	1	24.25	1.0	25.25
680	Hoàng Thị	Liên	TND013846	1	21.75	3.5	25.25
681	Ma Hoài	Thương	TND025339	1	21.75	3.5	25.25
682	Trần Hồng	Nhung	YTB016506	1	24.25	1.0	25.25
683	Nguyễn Thị	Thảo	THP013390	1	24.25	1.0	25.25
684	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	1	23.25	2.0	25.25
685	Nguyễn Thị Thanh	Thương	HHA014060	1	24.25	1.0	25.25
686	Đinh Thị	Hảo	TND007146	1	21.75	3.5	25.25
687	Nguyễn Thị Phương	Thảo	HDT023274	1	23.75	1.5	25.25
688	Lò Văn	Thượng	THV013337	1	21.75	3.5	25.25
689	Cần Thị	Huyền	DCN004875	1	24.75	0.5	25.25
690	Lô Thị	Hoa	TND008738	1	21.75	3.5	25.25
691	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	THV013348	1	21.75	3.5	25.25
692	Đỗ Hoàng	Long	TND015069	1	23.75	1.5	25.25
693	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	1	24.25	1.0	25.25
694	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	1	21.75	3.5	25.25
695	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	1	21.75	3.5	25.25
696	Trần Thùy	Giang	HDT006459	1	24.25	1.0	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Dương Thị	Thương	TLA013548	1	24.25	1.0	25.25
698	Sái Kiều	Liên	TND013898	1	21.75	3.5	25.25
699	Nông Minh	Trang	TND026618	1	21.75	3.5	25.25
700	Lê Thị Mỹ	Hạnh	HDT007525	1	23.75	1.5	25.25
701	Ma Thị Thùy	Trang	TQU005826	1	21.75	3.5	25.25
702	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	1	24.75	0.5	25.25
703	Hồ Thị Quỳnh	Anh	DHU000256	1	24.75	0.5	25.25
704	Mai Đình	Thành	HDT022834	1	24.25	1.0	25.25
705	Cao Thị	Xuyến	TND029846	1	21.75	3.5	25.25
706	Hà Văn	Long	HDT015212	1	21.75	3.5	25.25
707	Hà Thị	Hoa	LNH003408	1	21.75	3.5	25.25
708	Hoàng Thị Thanh	Huyền	HDT011326	1	24.25	1.0	25.25
709	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	1	21.75	3.5	25.25
710	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	1	23.75	1.5	25.25
711	Nông Thị	Hợp	TND009923	2	21.50	3.5	25.00
712	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	2	21.50	3.5	25.00
713	Phan Thị	Trinh	TTB006890	2	23.50	1.5	25.00
714	Phùng Thị	Mai	TND016070	2	21.50	3.5	25.00
715	Mộc Văn	Chinh	THV001405	2	21.50	3.5	25.00
716	Cà Thị	Quyên	TTB005106	2	21.50	3.5	25.00
717	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	2	24.50	0.5	25.00
718	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	2	21.50	3.5	25.00
719	Lương Thị Hải	Yến	TND030008	2	21.50	3.5	25.00
720	Trịnh Thu	Hà	THV003643	2	23.50	1.5	25.00
721	Hoàng Tiến	Duân	TND003623	2	21.50	3.5	25.00
722	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	2	23.50	1.5	25.00
723	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	2	21.50	3.5	25.00
724	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	2	24.50	0.5	25.00
725	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	2	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Đỗ Thị	Mận	SPH011222	2	24.00	1.0	25.00
727	Võ Thị Hồng	Trang	HHA014848	2	24.50	0.5	25.00
728	Trần Thị Cẩm	Tú	TND027605	2	21.50	3.5	25.00
729	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	2	21.50	3.5	25.00
730	Lê Nguyễn Hương	Ly	HDT015751	2	23.50	1.5	25.00
731	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	1	24.00	1.0	25.00
732	Giàng Thị	Vĩ	TQU006452	1	21.50	3.5	25.00
733	Lê Thị	Dung	HDT003850	1	24.00	1.0	25.00
734	Bùi Hồng	Nhâm	LNH006858	1	21.50	3.5	25.00
735	Hoàng Văn	Hưởng	DCN005558	1	21.50	3.5	25.00
736	Giàng A	Sênh	THV011312	1	21.50	3.5	25.00
737	Nông Thu	Hà	TND006410	1	21.50	3.5	25.00
738	Nông Quỳnh	Hương	TND011964	1	21.50	3.5	25.00
739	Hoàng Thị	Thương	TND025317	1	21.50	3.5	25.00
740	Lê Thị	Dung	HDT003867	1	24.00	1.0	25.00
741	Hoàng Thị	Vân	TND029059	1	21.50	3.5	25.00
742	Mai Thị	Thảo	HDT023246	1	24.00	1.0	25.00
743	Bùi Thị	Thương	THV013261	1	23.50	1.5	25.00
744	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	1	23.50	1.5	25.00
745	Thào A	Mệnh	DCN007325	1	22.50	2.5	25.00
746	Hà Thị	My	LNH006229	1	21.50	3.5	25.00
747	Vũ Thị	Dương	THP002855	1	24.50	0.5	25.00
748	Đặng Đình	Tuấn	TDV034566	1	23.50	1.5	25.00
749	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	1	23.50	1.5	25.00
750	Vũ Thị	Liên	YTB012306	1	24.00	1.0	25.00
751	Nguyễn Thị Việt	Phương	THP011646	1	24.50	0.5	25.00
752	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	1	23.50	1.5	25.00
753	Phạm Thị Thùy	Dương	TDV005655	1	23.50	1.5	25.00
754	Vũ Thị Lan	Anh	DCN000749	1	24.00	1.0	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Vương Thị	Quế	TDV024851	1	24.00	1.0	25.00
756	Trần Thị	Kiều	HDT013015	1	23.50	1.5	25.00
757	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	1	23.50	1.5	25.00
758	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	1	23.50	1.5	25.00
759	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	1	23.50	1.5	25.00
760	Đào Thị	Hà	TDV007591	1	23.50	1.5	25.00
761	Nguyễn Phương	Anh	THV000400	1	24.50	0.5	25.00
762	Phạm Thị	Linh	HDT014743	1	24.00	1.0	25.00
763	Lê Văn	Bắc	TND001595	1	21.50	3.5	25.00
764	Lê Thị Hương	Quỳnh	TDV025388	1	23.50	1.5	25.00
765	Lộc Thị	Lệ	TND013691	1	21.50	3.5	25.00
766	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	1	24.50	0.5	25.00
767	Lê Thị	Huyền	HDT011361	1	21.50	3.5	25.00
768	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	1	21.50	3.5	25.00
769	Lý Mùi	Chuồng	TND002712	2	21.25	3.5	24.75
770	Tăng Thị	Chang	THP001430	2	23.75	1.0	24.75
771	Trần Thị	Phượng	HHA011396	2	21.25	3.5	24.75
772	Ngô Thị	Ngọc	THP010352	2	23.75	1.0	24.75
773	Phan Lê Minh	Phương	TDV024090	2	24.25	0.5	24.75
774	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	2	23.75	1.0	24.75
775	Hà Văn	Thắm	HDT023531	2	21.25	3.5	24.75
776	Hoàng Thị	Dung	TND003690	2	21.25	3.5	24.75
777	Đinh Ngọc	Quỳnh	THV011041	2	23.25	1.5	24.75
778	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	2	23.75	1.0	24.75
779	Lý Thị	Thanh	TND022460	2	21.25	3.5	24.75
780	Nông Thị	Tình	TND025686	2	21.25	3.5	24.75
781	Nông Thị Lan	Anh	TND000937	2	21.25	3.5	24.75
782	Đinh Thị	Dự	TQU001020	2	21.25	3.5	24.75
783	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	2	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	2	23.25	1.5	24.75
785	Phùng Thị	Phượng	TND020269	2	21.25	3.5	24.75
786	Từ Thị	Tuyến	TND028584	2	23.25	1.5	24.75
787	Trần Thị Vân	Anh	DCN000700	2	24.25	0.5	24.75
788	Nguyễn Tuyết	Mai	TDV018744	1	23.75	1.0	24.75
789	Quan Thị	Vân	TQU006433	1	21.25	3.5	24.75
790	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	1	21.25	3.5	24.75
791	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	1	23.75	1.0	24.75
792	Phạm Thị	Giang	HDT006422	1	23.25	1.5	24.75
793	Vương Thị	Nụ	KQH010483	1	24.25	0.5	24.75
794	Lê Ngọc	Linh	TND014253	1	21.25	3.5	24.75
795	Liêng Thị	Mai	THV008399	1	21.25	3.5	24.75
796	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	1	23.75	1.0	24.75
797	Quách Xương	Trang	HDT027109	1	21.25	3.5	24.75
798	Lò Thạc	Khuê	THV006689	1	21.25	3.5	24.75
799	Phan Thanh	Xuân	DCN013341	1	23.75	1.0	24.75
800	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	1	23.25	1.5	24.75
801	Đình Minh	Đức	KQH003135	1	24.25	0.5	24.75
802	Doãn Thị	Tình	TDV031596	1	23.25	1.5	24.75
803	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	1	23.25	1.5	24.75
804	Cao Thị	Trang	SPH017281	1	23.75	1.0	24.75
805	Nông Quốc	Cường	TND003259	1	21.25	3.5	24.75
806	Lý Thị	Hạnh	TND006945	1	21.25	3.5	24.75
807	Ma Thị Hương	Thảo	KQH012589	1	21.25	3.5	24.75
808	Bế Thị	Định	TND005206	1	21.25	3.5	24.75
809	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	1	23.75	1.0	24.75
810	Hồ Thị Diễm	Quỳnh	DHU018958	1	23.25	1.5	24.75
811	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	1	23.75	1.0	24.75
812	Nguyễn Thị	Hiếu	TDV010525	1	23.75	1.0	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Bùi Thị	Dung	HDT003743	1	23.75	1.0	24.75
814	Phạm Như	Quỳnh	THV011168	1	23.25	1.5	24.75
815	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	1	23.25	1.5	24.75
816	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	1	21.25	3.5	24.75
817	Phạm Hữu	Tuyền	THP016305	1	23.75	1.0	24.75
818	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	2	21.00	3.5	24.50
819	Lò Thị	Hằng	TTB002023	2	21.00	3.5	24.50
820	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	2	23.50	1.0	24.50
821	Lò Thị	Thanh	TTB005665	2	21.00	3.5	24.50
822	Giàng Văn	Tư	TQU006328	2	21.00	3.5	24.50
823	Quàng Văn	Tùng	TTB007245	2	21.00	3.5	24.50
824	Nguyễn Tuấn	Bình	HDT002238	2	21.00	3.5	24.50
825	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	2	23.00	1.5	24.50
826	Dương Phước	Sang	SPH014607	2	24.00	0.5	24.50
827	Đào Huyền	My	TND016779	2	24.00	0.5	24.50
828	Pờ Gia	Pớ	TTB004995	2	21.00	3.5	24.50
829	Hoàng Kim	Phú	TND019597	2	21.00	3.5	24.50
830	Nguyễn Thị	Oanh	KQH010551	2	24.00	0.5	24.50
831	Nguyễn Thị Bích	Thuận	THP014171	2	24.00	0.5	24.50
832	Đỗ Thị	Lương	YTB013712	2	23.50	1.0	24.50
833	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	2	21.00	3.5	24.50
834	Đào Thị	Thu	THP014025	2	23.50	1.0	24.50
835	Nguyễn Thanh	Hoa	THV004768	2	23.00	1.5	24.50
836	Chầu Thị	Ly	TQU003450	2	21.00	3.5	24.50
837	Nguyễn Thị Thanh	Lam	THV006858	2	23.00	1.5	24.50
838	Vi Thị	Hảo	TDV008884	2	21.00	3.5	24.50
839	Hà Thị Hoài	Hiên	THV004233	2	21.00	3.5	24.50
840	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	2	23.50	1.0	24.50
841	Điêu Thị	Vân	TTB007425	2	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TDV028137	2	24.00	0.5	24.50
843	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	2	21.00	3.5	24.50
844	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	2	21.00	3.5	24.50
845	Trần Thị	Hiền	THP004893	1	23.50	1.0	24.50
846	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	1	24.00	0.5	24.50
847	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	1	23.00	1.5	24.50
848	Ngô Thị Lan	Phượng	DHU017849	1	24.00	0.5	24.50
849	Lương Thị	Thắm	TTB005973	1	21.00	3.5	24.50
850	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	1	23.00	1.5	24.50
851	Chu Thị	Chiều	TND002443	1	21.00	3.5	24.50
852	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	THV014097	1	23.00	1.5	24.50
853	Hà Thị	Phượng	HDT020179	1	21.00	3.5	24.50
854	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	1	23.00	1.5	24.50
855	Nguyễn Thị Huyền	Trang	THV013818	1	23.50	1.0	24.50
856	Phạm Thị Thuý	Linh	TDV017190	1	23.50	1.0	24.50
857	Trương Thị	Hoa	HDT009348	1	23.50	1.0	24.50
858	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	1	23.00	1.5	24.50
859	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	1	22.50	2.0	24.50
860	Đào Thị	Thuý	TND024976	1	23.00	1.5	24.50
861	Hoàng Thùy	Trang	THV013728	1	21.00	3.5	24.50
862	Trần Thị Mỹ	Hoa	SPH006592	1	23.50	1.0	24.50
863	Lò Thị	Lan	TTB003310	1	21.00	3.5	24.50
864	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	1	23.00	1.5	24.50
865	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	1	21.00	3.5	24.50
866	Nguyễn Thị	Tuần	TQU006088	1	21.00	3.5	24.50
867	Lê Thị	Hường	HDT012462	1	23.50	1.0	24.50
868	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	1	23.00	1.5	24.50
869	Cù Thu	Thủy	TQU005449	1	23.00	1.5	24.50
870	Trần Thái	Bảo	SPH001971	1	24.50		24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010107	1	24.00	0.5	24.50
872	Trương Thành	Đức	BKA003356	1	24.00	0.5	24.50
873	Lương Kim	Hoàn	TND009285	1	21.00	3.5	24.50
874	Hà Thị	Phượng	TTB004860	1	21.00	3.5	24.50
875	Nguyễn Minh	Thành	TDV027706	1	24.00	0.5	24.50
876	Lương Thị	Linh	HDT014285	1	23.00	1.5	24.50
877	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	1	24.00	0.5	24.50
878	Triệu Thị	Diệu	TND003543	1	21.00	3.5	24.50
879	Nguyễn Thị	Loan	BKA007942	3	23.25	1.0	24.25
880	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013128	2	22.75	1.5	24.25
881	Ngọc Châu An	Mi	HHA009104	2	22.25	2.0	24.25
882	Đào Duy	Hải	TLA004256	2	23.75	0.5	24.25
883	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	2	20.75	3.5	24.25
884	Vũ Hương	Hà	TND006516	2	20.75	3.5	24.25
885	Chấu Thị	Thuỷ	TQU005415	2	20.75	3.5	24.25
886	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	2	22.75	1.5	24.25
887	Long Quốc	Huấn	TND009988	2	20.75	3.5	24.25
888	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	2	20.75	3.5	24.25
889	Trần Thị Nhật	Lệ	BKA007204	2	23.75	0.5	24.25
890	Nguyễn Thị Hồng	Quý	TND020695	2	22.75	1.5	24.25
891	Nông Thị	Vìn	TND029364	2	20.75	3.5	24.25
892	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	2	23.75	0.5	24.25
893	Lục Văn	Đình	TND005198	2	20.75	3.5	24.25
894	Tô Phương	Thảo	SPH015813	2	23.25	1.0	24.25
895	Nông Nguyệt	Hà	TND006403	2	20.75	3.5	24.25
896	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	2	24.25		24.25
897	Phạm Thị	Lan	HDT013272	2	22.75	1.5	24.25
898	Đình Thị	Thu	TQU005345	2	22.75	1.5	24.25
899	Long Thị	Vân	TND029083	2	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Phạm Thị Phương	Thuyền	TQU005440	2	22.75	1.5	24.25
901	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	2	23.25	1.0	24.25
902	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	2	23.25	1.0	24.25
903	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	2	23.25	1.0	24.25
904	Trịnh Thị Bích	Ngọc	TTB004420	2	22.75	1.5	24.25
905	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	1	23.75	0.5	24.25
906	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	1	23.75	0.5	24.25
907	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	1	22.75	1.5	24.25
908	Lê Thị	Linh	SPH009611	1	23.75	0.5	24.25
909	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	1	22.75	1.5	24.25
910	Bùi Thị	Trang	LNH009651	1	20.75	3.5	24.25
911	Trần Thị	Nha	TND018488	1	20.75	3.5	24.25
912	Đinh Thị	Liên	LNH005113	1	20.75	3.5	24.25
913	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	1	23.25	1.0	24.25
914	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	1	20.75	3.5	24.25
915	Phạm Thị	Bình	HDT002247	1	20.75	3.5	24.25
916	Lương Thị Lệ	Quyên	TND020778	1	20.75	3.5	24.25
917	Nguyễn Thu	Trang	THV013909	1	22.75	1.5	24.25
918	Uông Thị	Hà	TDV008097	1	22.75	1.5	24.25
919	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	1	23.25	1.0	24.25
920	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	1	20.75	3.5	24.25
921	Bùi Thị	Nhung	HDT018636	1	23.25	1.0	24.25
922	Trần Ngọc Hương	Trang	THV013997	1	22.75	1.5	24.25
923	Trần Thùy	Linh	YTB013134	1	23.75	0.5	24.25
924	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	1	22.25	2.0	24.25
925	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	THP006593	1	23.25	1.0	24.25
926	Phương Thùy	Dung	TND003795	1	20.75	3.5	24.25
927	Trần Thị	Trang	TDV033075	1	22.75	1.5	24.25
928	Hoàng Thị	Nghiep	TQU003877	1	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Nguyễn Thị Thu	Hương	THV006268	1	22.75	1.5	24.25
930	Cao Phương	Chi	THV001244	1	22.75	1.5	24.25
931	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	1	23.25	1.0	24.25
932	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028207	1	23.25	1.0	24.25
933	Lê Thị	Giang	HDT006293	1	23.25	1.0	24.25
934	Lê Thị Mỹ	Linh	THV007450	1	23.25	1.0	24.25
935	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	2	20.50	3.5	24.00
936	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	2	23.50	0.5	24.00
937	Pờ Chùy	Pứ	TTB005001	2	20.50	3.5	24.00
938	Vừ Lao	Vàng	TTB007401	2	20.50	3.5	24.00
939	Trần Thị Phương	Thảo	THV012357	2	22.50	1.5	24.00
940	Phạm Hoàng Hải	Nam	THV009038	2	20.50	3.5	24.00
941	Chu Thị	Thảo	SPH015531	2	23.50	0.5	24.00
942	Phạm Thị	Anh	YTB001125	2	23.00	1.0	24.00
943	Ngô Thị	Hà	HDT006762	2	22.50	1.5	24.00
944	Phạm Thị	Thảo	THV012317	2	22.50	1.5	24.00
945	Tấn San	Mấy	THV008633	2	20.50	3.5	24.00
946	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	2	20.50	3.5	24.00
947	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	2	20.50	3.5	24.00
948	Hoàng Thị	Thắm	TND023427	2	20.50	3.5	24.00
949	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	2	20.50	3.5	24.00
950	Dương Thị	Thu	TQU005343	2	20.50	3.5	24.00
951	Lý Thị	Niệm	TND019129	2	20.50	3.5	24.00
952	Lương Thị	Thủy	TQU005461	2	20.50	3.5	24.00
953	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	2	22.50	1.5	24.00
954	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	2	20.50	3.5	24.00
955	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	2	20.50	3.5	24.00
956	Phạm Thị	Lý	HDT015892	2	22.50	1.5	24.00
957	Lò Văn	Thủy	TTB006374	2	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Hoàng Thị	Dung	HDT003801	1	23.00	1.0	24.00
959	Lý Thị Minh	Vượng	TQU006545	1	20.50	3.5	24.00
960	Phùng Thị	Oanh	TND019393	1	20.50	3.5	24.00
961	Vũ Thị	Nữ	TND019228	1	22.50	1.5	24.00
962	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	1	22.50	1.5	24.00
963	Đỗ Thị	Phương	HDT019670	1	22.50	1.5	24.00
964	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	1	23.00	1.0	24.00
965	Võ Thị Thu	Hiền	TDV010166	1	22.50	1.5	24.00
966	Ngọc Thị	Tươi	TND028733	1	20.50	3.5	24.00
967	Ngô Văn	Chính	THP001673	1	23.00	1.0	24.00
968	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	1	23.50	0.5	24.00
969	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	1	20.50	3.5	24.00
970	Trần Thị	Hường	THV006436	1	22.50	1.5	24.00
971	Nguyễn Thị Thanh	Hương	HHA006851	1	22.50	1.5	24.00
972	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TND007016	1	23.50	0.5	24.00
973	Nguyễn Thị	Nhung	TTB004592	1	22.50	1.5	24.00
974	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	1	23.50	0.5	24.00
975	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	1	23.00	1.0	24.00
976	Đinh Thị	Phương	TDL011197	1	22.50	1.5	24.00
977	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	1	23.00	1.0	24.00
978	Chu Tú	Anh	TND000127	1	20.50	3.5	24.00
979	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	1	22.50	1.5	24.00
980	Ma Thị	Lan	TQU002923	1	20.50	3.5	24.00
981	Trần Thu	Huyền	TQU002515	1	20.50	3.5	24.00
982	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	1	23.50	0.5	24.00
983	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	1	22.50	1.5	24.00
984	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005348	1	23.00	1.0	24.00
985	Mã Thu	Thủy	NLS012268	1	22.50	1.5	24.00
986	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	1	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Phùng Văn	Pu	TND020306	1	20.50	3.5	24.00
988	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	1	20.50	3.5	24.00
989	Vũ Thị	Tư	YTB024658	4	22.75	1.0	23.75
990	Linh Văn	Phong	TND019536	2	20.25	3.5	23.75
991	Đồng Thị	Hà	TQU001392	2	20.25	3.5	23.75
992	Hoàng Văn	Kiệm	TTB003199	2	20.25	3.5	23.75
993	Nguyễn Thị Kiều	My	THV008833	2	22.25	1.5	23.75
994	Trương Đình	Tiến	BJA013089	2	23.25	0.5	23.75
995	Đặng Thị Hồng	Hiệp	THV004434	2	22.25	1.5	23.75
996	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	2	22.25	1.5	23.75
997	Lò Văn	Chưởng	TTB000807	2	20.25	3.5	23.75
998	Trần Thị Thu	Uyên	KHA011455	2	22.75	1.0	23.75
999	Nguyễn Thị	Hằng	HDT007935	2	22.25	1.5	23.75
1000	Quảng Văn	Kẻo	TTB003029	2	20.25	3.5	23.75
1001	Trịnh Thị Hồng	Nhung	BJA010004	2	22.25	1.5	23.75
1002	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	2	22.25	1.5	23.75
1003	Mai Thị	Thúy	HDT025188	2	22.75	1.0	23.75
1004	Nông Phan Trung	Đức	TND005650	2	20.25	3.5	23.75
1005	Nguyễn Thị	Linh	YTB012779	2	22.75	1.0	23.75
1006	Trần Thị Lan	Vy	HDT030120	2	22.25	1.5	23.75
1007	Dương Thị	Sâm	HDT021448	2	22.75	1.0	23.75
1008	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	2	22.25	1.5	23.75
1009	Lương Thị	Phương	TDV023878	2	22.75	1.0	23.75
1010	Nông Thị	Thơm	TND024271	2	20.25	3.5	23.75
1011	Hoàng Hải	Yến	THV015567	2	20.25	3.5	23.75
1012	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	2	22.25	1.5	23.75
1013	Lưu Thị Thu	Hằng	SPH005586	2	22.75	1.0	23.75
1014	Phạm Thị Hồng	ánh	THV000840	2	22.25	1.5	23.75
1015	Nguyễn Thị	Thúy	KQH013813	1	23.25	0.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Lê Minh	Hiền	TDV009786	1	22.75	1.0	23.75
1017	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	1	23.25	0.5	23.75
1018	Hoàng Thị	Xuân	HVN012416	1	22.75	1.0	23.75
1019	Ngô Thị	Hằng	TND007355	1	22.75	1.0	23.75
1020	Hoàng Thị Thu	Hà	THV003469	1	22.25	1.5	23.75
1021	Chu Thị	Hồng	TND009691	1	20.25	3.5	23.75
1022	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	1	22.25	1.5	23.75
1023	Trần Thị	Tâm	TND022148	1	20.25	3.5	23.75
1024	Quảng Văn	Quyển	THV010988	1	20.25	3.5	23.75
1025	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	1	23.25	0.5	23.75
1026	Nguyễn Văn	Thông	SPH016229	1	22.25	1.5	23.75
1027	Dương Thị	Thanh	TND022393	1	22.75	1.0	23.75
1028	Đàm Ngọc	Vũ	THV015319	1	22.25	1.5	23.75
1029	Nguyễn Thị	Hường	HDT012479	1	22.25	1.5	23.75
1030	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	1	22.25	1.5	23.75
1031	Lê Thị	Trang	HDT026601	1	20.25	3.5	23.75
1032	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	1	23.25	0.5	23.75
1033	Trần Thị	Yến	TDV037128	1	22.25	1.5	23.75
1034	Nguyễn Ngọc	ánh	THV000805	1	22.25	1.5	23.75
1035	Lê Đình	Tuấn	HDT028213	1	22.75	1.0	23.75
1036	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	1	22.75	1.0	23.75
1037	Nguyễn Thị	Trang	LNH009851	1	23.25	0.5	23.75
1038	Hoàng Thị	Mai	TDV018620	1	22.75	1.0	23.75
1039	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	1	22.25	1.5	23.75
1040	Trần Hữu	Đức	TDV006981	1	23.25	0.5	23.75
1041	Phan Minh	Anh	HDT001332	1	22.25	1.5	23.75
1042	Bùi Thị Dương	Anh	HDT000147	1	22.25	1.5	23.75
1043	Cao Thị	Phương	HDT019645	1	22.75	1.0	23.75
1044	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	2	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Trần Lê	Tĩnh	TTB006645	2	22.00	1.5	23.50
1046	Phạm Quỳnh	Diệp	YTB003224	2	22.50	1.0	23.50
1047	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	2	20.00	3.5	23.50
1048	Bùi Khánh	Huyền	TTB002776	2	22.00	1.5	23.50
1049	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	2	23.00	0.5	23.50
1050	Đặng Thị	Chinh	BKA001641	2	22.50	1.0	23.50
1051	Hoàng Thị	Tú	TND027468	2	20.00	3.5	23.50
1052	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	2	23.00	0.5	23.50
1053	Nguyễn Quang	Duẩn	KHA001631	2	22.50	1.0	23.50
1054	Ma Thị	Thảo	TQU005070	2	20.00	3.5	23.50
1055	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	2	22.00	1.5	23.50
1056	Hà Thị	Huỳnh	TQU002531	2	20.00	3.5	23.50
1057	Phạm Minh	Phương	TQU004362	2	22.00	1.5	23.50
1058	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	2	20.00	3.5	23.50
1059	Thào A	Sam	TTB005250	2	20.00	3.5	23.50
1060	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	2	22.50	1.0	23.50
1061	Đinh Thị	Vũ	TTB007537	2	20.00	3.5	23.50
1062	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	1	22.50	1.0	23.50
1063	Nguyễn Thị	Hồng	SPH007020	1	22.50	1.0	23.50
1064	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	1	22.00	1.5	23.50
1065	Ngô Thị Ngọc	Anh	HDT000885	1	22.00	1.5	23.50
1066	Triệu Văn	Cao	TND002019	1	20.00	3.5	23.50
1067	Trần Đức	Dũng	HDT004396	1	22.50	1.0	23.50
1068	Phạm Thùy	Linh	TQU003243	1	21.00	2.5	23.50
1069	Vi Phương	Thảo	TDV028494	1	20.00	3.5	23.50
1070	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	1	22.50	1.0	23.50
1071	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010153	1	22.50	1.0	23.50
1072	Trần Ngọc	ánh	THV000852	1	22.00	1.5	23.50
1073	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	1	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	1	22.50	1.0	23.50
1075	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	1	20.00	3.5	23.50
1076	Quảng Thị	Phương	TTB004924	1	20.00	3.5	23.50
1077	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007942	1	22.50	1.0	23.50
1078	Lưu Thị Minh	Châu	THV001217	1	22.00	1.5	23.50
1079	Vũ Thị Thanh	Hiền	THV004398	1	22.00	1.5	23.50
1080	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	1	22.50	1.0	23.50
1081	Nguyễn Thị	Hạnh	THP004287	1	22.50	1.0	23.50
1082	Tô Thị	Hường	TND012241	1	20.00	3.5	23.50
1083	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	1	22.00	1.5	23.50
1084	Nông Văn	Quân	TND020573	1	20.00	3.5	23.50
1085	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	1	23.00	0.5	23.50
1086	Nguyễn Thanh	Hoa	LNH003452	2	22.75	0.5	23.25
1087	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	2	22.75	0.5	23.25
1088	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	2	21.75	1.5	23.25
1089	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	2	21.75	1.5	23.25
1090	Phan Thị	Tinh	TND025687	2	19.75	3.5	23.25
1091	Đỗ Thị	Hằng	THV003987	2	21.75	1.5	23.25
1092	Trần Quang	Huy	TQU002382	2	21.75	1.5	23.25
1093	Ngô Phương	Đông	YTB005139	2	22.25	1.0	23.25
1094	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	2	22.25	1.0	23.25
1095	Nguyễn Thị	Hiền	THV004312	2	21.75	1.5	23.25
1096	Hoàng Thị Nhật	Lệ	THP007990	2	22.25	1.0	23.25
1097	Phạm Thị	Lam	HDT013083	2	21.75	1.5	23.25
1098	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	2	22.25	1.0	23.25
1099	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	2	19.75	3.5	23.25
1100	Vĩ Văn	Son	THV011363	2	19.75	3.5	23.25
1101	Giàng A	Dơ	THV001993	2	19.75	3.5	23.25
1102	Quách Văn	Long	TQU003359	2	19.75	3.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Triệu Thị	Chuyên	TND002746	1	19.75	3.5	23.25
1104	Hoàng Thị	Mến	THV008642	1	21.75	1.5	23.25
1105	Quách Thị	Châm	LNH000911	1	19.75	3.5	23.25
1106	Hồ Thị	Hiền	HDT008370	1	21.75	1.5	23.25
1107	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	1	22.25	1.0	23.25
1108	Cao Thị	Thơm	THP013977	1	22.25	1.0	23.25
1109	Trần Thị	Nga	THP010043	1	22.25	1.0	23.25
1110	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	1	22.25	1.0	23.25
1111	Lê Thị	Khánh	HDT012671	1	22.25	1.0	23.25
1112	Đỗ Phương	Thảo	KQH012524	1	22.75	0.5	23.25
1113	Nguyễn Thị Thùy	Trang	THP015230	1	22.75	0.5	23.25
1114	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	1	19.75	3.5	23.25
1115	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	1	21.75	1.5	23.25
1116	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	1	21.75	1.5	23.25
1117	Hoàng Hồng	Hạnh	KQH003939	1	19.75	3.5	23.25
1118	Hồ A	Lênh	THV007142	1	19.75	3.5	23.25
1119	Trịnh Tiến	Cường	TLA002331	1	20.25	3.0	23.25
1120	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	1	21.75	1.5	23.25
1121	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	1	19.75	3.5	23.25
1122	Trần Thị	Hoa	TDV010974	1	22.25	1.0	23.25
1123	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	1	21.75	1.5	23.25
1124	Vũ Đình	Trường	THV014322	1	21.75	1.5	23.25
1125	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	DHU021233	1	22.75	0.5	23.25
1126	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	1	19.75	3.5	23.25
1127	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	1	22.25	1.0	23.25
1128	Lò Thị	Thánh	TTB005812	1	19.75	3.5	23.25
1129	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	1	22.25	1.0	23.25
1130	Phạm Thị	Trang	THV013962	4	21.50	1.5	23.00
1131	Vũ Thị	ánh	TND001455	3	21.50	1.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	2	22.50	0.5	23.00
1133	Trần Thị	Dịu	TLA002418	2	22.00	1.0	23.00
1134	Chu Thị Kiều	Anh	TQU000019	2	19.50	3.5	23.00
1135	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	2	19.50	3.5	23.00
1136	Lường Thị	Thi	THV012580	2	19.50	3.5	23.00
1137	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	2	19.50	3.5	23.00
1138	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	2	22.00	1.0	23.00
1139	Lê Ngọc	Anh	HDT000555	2	21.50	1.5	23.00
1140	Vũ Thị	Lý	HDT015908	2	22.00	1.0	23.00
1141	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	2	21.50	1.5	23.00
1142	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	2	19.50	3.5	23.00
1143	Lê Thị	Nhị	HDT018604	2	22.00	1.0	23.00
1144	Nguyễn Thị	Tuệ	TDV035079	2	21.50	1.5	23.00
1145	Vũ Thị	Thu	TDV029960	2	22.00	1.0	23.00
1146	Hoàng Thị	Trang	TDV032273	2	21.50	1.5	23.00
1147	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	2	22.00	1.0	23.00
1148	Vì Thị Bích	Vân	TND029201	2	19.50	3.5	23.00
1149	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	2	22.50	0.5	23.00
1150	Hoàng Thị	Thuyết	TND025123	2	19.50	3.5	23.00
1151	Liễu Thanh	Huyền	TND011126	1	19.50	3.5	23.00
1152	Lò Thị	Chung	TTB000738	1	19.50	3.5	23.00
1153	Đào Hải	Quỳnh	DCN009409	1	21.50	1.5	23.00
1154	Tạ Thị	Huyền	BKA006109	1	22.00	1.0	23.00
1155	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	1	22.00	1.0	23.00
1156	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	1	19.50	3.5	23.00
1157	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	1	21.50	1.5	23.00
1158	Nguyễn Thị Thu	Hoài	TND009167	1	20.50	2.5	23.00
1159	Đào Thị	Thu	HVN010083	1	22.00	1.0	23.00
1160	Lý Thị Mỹ	Lệ	TND013703	1	19.50	3.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Vi Thị	Phương	TND020125	1	19.50	3.5	23.00
1162	Hoàng Thị	Thủy	TND024798	1	19.50	3.5	23.00
1163	Đỗ Thị	Linh	HDT013827	1	21.50	1.5	23.00
1164	Hồ Thị	Yến	TDV036873	1	22.00	1.0	23.00
1165	Trần Anh	Nhất	YTB016199	1	22.00	1.0	23.00
1166	Trần Thương	Thương	THV013317	1	19.50	3.5	23.00
1167	Phan Diệu	Anh	TTB000226	1	21.50	1.5	23.00
1168	Bạc Thị	Hằng	TTB001986	1	19.50	3.5	23.00
1169	Bùi Thị Hồng	Nhung	TND018759	2	21.25	1.5	22.75
1170	Nguyễn Thị	Diễm	HHA002024	2	21.25	1.5	22.75
1171	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	2	19.25	3.5	22.75
1172	Trần Văn	Tuấn	TND028031	2	19.25	3.5	22.75
1173	Doãn Thị Lâm	Phương	TDV023739	2	21.25	1.5	22.75
1174	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	2	19.25	3.5	22.75
1175	Lê Văn	Anh	LNH000286	2	19.25	3.5	22.75
1176	Trương Thị Thùy	Linh	TQU003285	2	21.25	1.5	22.75
1177	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	2	22.75		22.75
1178	Đinh Thị Kim	Xuyến	TND029851	2	19.25	3.5	22.75
1179	Nguyễn Đức	Dung	THV002071	2	22.25	0.5	22.75
1180	Hoàng Văn	Huy	HDT010997	2	20.25	2.5	22.75
1181	Phùng Thị Mỹ	Linh	THV007723	1	21.25	1.5	22.75
1182	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	1	19.25	3.5	22.75
1183	Phạm Thị Thu	Trang	YTB023039	1	21.75	1.0	22.75
1184	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	LNH006808	1	21.25	1.5	22.75
1185	Phạm Hoàng	Lộc	DCN006859	1	21.75	1.0	22.75
1186	Triệu Văn	Kiểm	TTN008874	1	19.25	3.5	22.75
1187	Trần Thị	Hậu	SPH005825	1	19.25	3.5	22.75
1188	Bùi Thị	Hà	HDT006522	1	19.25	3.5	22.75
1189	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	1	21.75	1.0	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Lù Ti	Hình	THV004692	1	19.25	3.5	22.75
1191	Hà Kiều	Ly	THV008266	1	19.25	3.5	22.75
1192	La Phương	Thắm	TND023432	1	19.25	3.5	22.75
1193	Phạm Văn	Long	YTB013481	1	21.75	1.0	22.75
1194	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	1	19.25	3.5	22.75
1195	Nguyễn Thu	Hà	SPH004954	2	21.50	1.0	22.50
1196	Triệu Thị	Ngoan	TND017832	2	19.00	3.5	22.50
1197	Nguyễn Thị Kim	Ly	DCN007036	2	21.00	1.5	22.50
1198	Trịnh Thị	Hà	HDT007011	2	21.00	1.5	22.50
1199	Nông Cao	Định	TTN003809	2	19.00	3.5	22.50
1200	Lò Thị Mỹ	Uyên	TTB007358	2	19.00	3.5	22.50
1201	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	1	19.00	3.5	22.50
1202	Hoàng Thị	Uớc	HDT029397	1	21.00	1.5	22.50
1203	Phạm Đình	Phong	HDT019451	1	21.00	1.5	22.50
1204	Hà Mỹ	Linh	TQU003095	1	21.00	1.5	22.50
1205	Phạm Thị	Lan	HVN005564	1	21.50	1.0	22.50
1206	Sùng A	Ná	TTB004102	1	19.00	3.5	22.50
1207	Nguyễn Thanh	Hằng	TLA004637	1	22.00	0.5	22.50
1208	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	TDV034332	1	22.00	0.5	22.50
1209	Nguyễn Thị	Lan	TQU002930	1	21.00	1.5	22.50
1210	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	1	21.50	1.0	22.50
1211	Lầu Thị	Bình	TND001846	1	19.00	3.5	22.50
1212	Sùng Seo	Vảng	THV015071	2	18.75	3.5	22.25
1213	Dương Thị	Bình	TDV002454	2	20.75	1.5	22.25
1214	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010119	2	21.25	1.0	22.25
1215	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	2	21.25	1.0	22.25
1216	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	2	20.75	1.5	22.25
1217	Hoàng Thị	Nụ	YTB016677	2	21.25	1.0	22.25
1218	Nông Thị	Huyền	TQU002400	2	18.75	3.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Trương Thị	Vân	TLA015511	2	21.25	1.0	22.25
1220	Vũ Thị	Phượng	TND020139	2	20.75	1.5	22.25
1221	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	2	18.75	3.5	22.25
1222	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	2	21.75	0.5	22.25
1223	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	2	21.25	1.0	22.25
1224	Phàn A	ỏn	THV010150	2	18.75	3.5	22.25
1225	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	2	21.75	0.5	22.25
1226	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	2	20.75	1.5	22.25
1227	Nông Thảo	Lam	TND013196	2	18.75	3.5	22.25
1228	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	1	21.75	0.5	22.25
1229	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	1	21.25	1.0	22.25
1230	Ma Thị	Hạ	TQU001461	1	18.75	3.5	22.25
1231	Trịnh Hà	Mi	HDT016427	1	21.25	1.0	22.25
1232	Hà Hồng	Hiệp	HDT008729	1	18.75	3.5	22.25
1233	Trương Phương	Nam	TND017216	2	18.50	3.5	22.00
1234	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	2	20.50	1.5	22.00
1235	Nguyễn Văn	Biên	HVN000954	2	21.00	1.0	22.00
1236	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	2	21.50	0.5	22.00
1237	Hà Duy	Khánh	LNH004763	2	18.50	3.5	22.00
1238	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	2	20.50	1.5	22.00
1239	Lương Minh	Phụng	HDT019590	2	18.50	3.5	22.00
1240	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	2	18.50	3.5	22.00
1241	Đào Thị Minh	Anh	TTB000065	2	20.50	1.5	22.00
1242	Đoàn Thị Minh	Phượng	YTB017207	2	21.50	0.5	22.00
1243	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	2	20.50	1.5	22.00
1244	Nguyễn Văn	Phong	TND019563	1	20.50	1.5	22.00
1245	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	1	21.00	1.0	22.00
1246	Lê Hồng	Sơn	KQH011840	1	21.50	0.5	22.00
1247	Đinh Thị	Hương	TND011720	1	20.50	1.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1248	Lưu Thị	Thoa	TND024098	1	18.50	3.5	22.00
1249	Lô Kiều	Ngân	TND017565	2	18.25	3.5	21.75
1250	Phạm Viết	Khởi	THP007553	2	21.25	0.5	21.75
1251	Lìm Thị	Luyến	THV008152	2	18.25	3.5	21.75
1252	Trần Thị Quỳnh	Hoa	YTB008328	2	20.75	1.0	21.75
1253	Hoàng Thị	Tâm	TND022051	2	18.25	3.5	21.75
1254	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	1	20.25	1.5	21.75
1255	Trần Thị Thu	Uyên	TQU006376	1	20.25	1.5	21.75
1256	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	2	18.00	3.5	21.50
1257	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	2	20.00	1.5	21.50
1258	Nguyễn Mỹ	Hạnh	KHA003083	2	20.50	1.0	21.50
1259	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	2	20.50	1.0	21.50
1260	Nguyễn Văn	Đạt	THP003039	2	20.50	1.0	21.50
1261	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	2	20.00	1.5	21.50
1262	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	2	18.00	3.5	21.50
1263	Khoàng Thị	Tuyết	TTB007298	2	18.00	3.5	21.50
1264	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	2	18.00	3.5	21.50
1265	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	2	20.00	1.5	21.50
1266	Mào Thị	Duyên	TTB001293	1	18.00	3.5	21.50
1267	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	1	18.00	3.5	21.50
1268	Lê Thị	Trang	TLA013996	1	20.50	1.0	21.50
1269	Trần Thị	Mơ	KQH009174	1	21.00	0.5	21.50
1270	Đào Bích	Ngọc	THV009420	1	18.00	3.5	21.50
1271	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	1	20.00	1.5	21.50
1272	Nguyễn Văn	Khởi	TND012782	2	19.75	1.5	21.25
1273	Vi Thị	Thao	TND022768	2	17.75	3.5	21.25
1274	Lê Văn	Đức	HDT005906	2	20.25	1.0	21.25
1275	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	2	20.25	1.0	21.25
1276	Hoàng Khánh	Lâm	TQU002959	2	17.75	3.5	21.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1277	Vũ Thị	Thanh	THP013104	2	20.75	0.5	21.25
1278	Bế Ngọc	Hải	TND006560	1	17.75	3.5	21.25
1279	Trần Thị	Khuyên	THP007573	1	20.25	1.0	21.25
1280	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	1	20.75	0.5	21.25
1281	Đinh Kiều	Anh	TND000234	1	17.75	3.5	21.25
1282	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	1	19.75	1.5	21.25
1283	Tòng Thị	Thanh	TTB005701	1	17.75	3.5	21.25
1284	Lò Thị	Thuận	TTB006312	3	17.50	3.5	21.00
1285	Giàng A	Cu	TTB000851	2	17.50	3.5	21.00
1286	Lò Thị	Hoài	TTB002407	2	17.50	3.5	21.00
1287	Nguyễn Thị	Trang	THP015240	2	20.00	1.0	21.00
1288	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	2	19.50	1.5	21.00
1289	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	2	20.25	0.5	20.75
1290	Dương Thị	Cúc	TQU000628	2	17.25	3.5	20.75
1291	Lê Thị	Huyền	YTB009944	2	19.75	1.0	20.75
1292	Lê Thị	Sơn	HDT021668	2	19.25	1.5	20.75
1293	Tao Văn	Dọt	THV001991	2	17.25	3.5	20.75
1294	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	1	19.75	1.0	20.75
1295	Vũ Thành	Duy	TND004268	1	19.25	1.5	20.75
1296	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	2	20.00	0.5	20.50
1297	Sùng A	Tá	TTB005495	2	17.00	3.5	20.50
1298	Hoàng Thúy	Quỳnh	TDV025377	1	19.50	1.0	20.50
1299	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	1	19.00	1.5	20.50
1300	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	2	18.75	1.5	20.25
1301	Đinh Thị Hồng	Thanh	HHA012419	2	19.75	0.5	20.25
1302	Hà Thị	Huyền	TND011064	2	16.50	3.5	20.00
1303	Giàng Thị	Dinh	THV001961	2	16.50	3.5	20.00
1304	Thào A	Tăng	TTB005526	2	16.50	3.5	20.00
1305	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	2	16.50	3.5	20.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1306	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	2	16.25	3.5	19.75
1307	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	3	16.00	3.5	19.50
1308	Phan Thanh	Lịch	TND013784	2	16.00	3.5	19.50
1309	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	2	18.00	1.5	19.50
1310	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	2	18.50	1.0	19.50
1311	Nguyễn Ngọc	Cân	KQH001191	2	18.50	1.0	19.50
1312	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	2	15.75	3.5	19.25
1313	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	2	17.75	1.5	19.25
1314	Vàng Ngọc	Cương	THV001721	2	15.50	3.5	19.00
1315	Cà Thị	Hoa	TTB002291	2	15.50	3.5	19.00
1316	Lương Thị Thanh	Tuyền	TND028474	2	15.50	3.5	19.00
1317	Lò Minh	Tiến	TTB006573	2	15.00	3.5	18.50
1318	Phạm Thị	Thanh	THP013075	2	18.00	0.5	18.50
1319	Đỗ Văn	Hiếu	THV004510	2	17.00	1.5	18.50
1320	Trương Đức	Quý	LNH007630	1	15.00	3.5	18.50
1321	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	2	16.75	1.5	18.25
1322	Lê Trung	Kiên	THV006740	2	15.50	2.5	18.00
1323	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	2	17.25	0.5	17.75
1324	Nguyễn Việt	Tiến	KQH014099	2	17.00	0.5	17.50
1325	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	2	16.75	0.5	17.25
1326	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	2	16.25	0.5	16.75
1327	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	2	15.25	1.5	16.75
1328	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	2	15.00	1.5	16.50
1329	Bùi Thị	Hằng	YTB006871	1	15.00	1.0	16.00
1330	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	2	14.50	1.0	15.50
1331	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	1	15.00	0.5	15.50
1332	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	2	11.75	3.5	15.25
1333	Lò Văn	Thanh	TTB005679	2	11.50	3.5	15.00

